

Bản án số: **59/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/7/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Duật và bà Hồ Thị Linh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Tứ, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hương Trà.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Đại, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Hương Trà (số E đường Đ, phường T, thị xã H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 140/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2023; Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ngọc K, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm B, thôn V, xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1999; địa chỉ: Xóm F, thôn C, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phan Thị Ngọc K đều trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H vào ngày 16/12/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh M hay uống rượu bia, về nhà xúc phạm chị, từ đó dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích nhau, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ tháng 07 năm 2022 thì chị về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh M để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị K khai chị và anh M có 02 con chung là Nguyễn Văn Hải A, sinh ngày 12/6/2021 hiện đang ở với anh M và cháu Nguyễn Ngọc Hải V, sinh ngày 02/12/2022, hiện đang ở với chị. Chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V, giao cháu A cho anh M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì chị K khai như vậy là đúng. Tuy nhiên anh vẫn còn thương chị K và mong muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng nếu chị K vẫn cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh M xác nhận vợ chồng anh có 02 con chung như chị K đã khai. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng giao cả hai con chung cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/cháu/tháng). Nếu chị K không đồng ý thì anh muốn nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 4 năm 2024, bà Võ Thị T (mẹ ruột của chị Phan

Thị Ngọc Khuê) trình bày: Vợ chồng anh M chị K tổ chức cưới hỏi vào năm 2020 và sinh sống tại nhà bố mẹ anh M. Khi chị K mang thai con đầu lòng thì về nhà tôi sinh sống để tiện chăm sóc và mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh do anh M ít quan tâm đến vợ, có đánh đập chị K nên chị K ở lại nhà tôi từ đó đến nay không về nhà chồng nữa. Quá trình chung sống anh M, chị K có hai con chung là Nguyễn Văn Hải A, sinh ngày 12/6/2021 ở với anh M từ 18 tháng cho đến nay và cháu Nguyễn Ngọc Hải V, sinh ngày 02/12/2022, hiện đang ở với chị K. Hoàn cảnh chị K hiện tại chỉ đủ để nuôi 1 con chung. Nay chị K xin ly hôn anh M thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn anh M, được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V, giao cháu A cho anh M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con.

Tại phiên tòa, anh M đồng ý ly hôn với chị K, có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc K.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc K được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Hải V, sinh ngày 02/12/2022, cho chị Phan Thị Ngọc K tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Văn Hải A, sinh ngày 12/6/2021, cho anh Nguyễn Văn M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị K, anh M không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chị K, anh M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Ngọc K khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Văn M. Anh M có nơi cư trú tại: Xóm F, thôn C, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Phan Thị Ngọc K có quá trình chung sống với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H vào ngày 16/12/2021 (số 75, năm 2021). Như vậy, hôn nhân giữa anh M và chị K là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Ngọc K, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo trình bày của anh M và chị K thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn, cả anh M lẫn chị K đều xác nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay là có cơ sở, phù hợp với xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã H xác nhận “*anh M và chị K quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn nên chị K đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Anh M hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Hải A, còn chị K đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Hải V. Nếu hai bên có đủ điều kiện thì nên giao mỗi người nuôi một cháu là phù hợp*”. Như vậy, có cơ sở xác định đời sống chung hiện nay giữa anh M và chị K không tồn tại.

Xét thấy hôn nhân giữa anh M và chị K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân & Gia đình, chấp nhận đơn của chị K, cho chị K được ly hôn anh M.

[2.3] Về con chung: Anh M và chị K có 02 con chung là Nguyễn Văn Hải A, sinh ngày 12/6/2021, hiện đang ở với anh M và cháu Nguyễn Ngọc Hải V, sinh ngày 02/12/2022, hiện đang ở với chị K.

Xét yêu cầu của chị K và anh M về việc nuôi con sau khi ly hôn, thì thấy:

Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì: “1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan; 2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con; 3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì anh M và chị K đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, do cháu V hiện nay còn quá nhỏ (1 tuổi 07 tháng), trong độ tuổi cần phải có sự chăm sóc đặc biệt để nuôi dưỡng về sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần; hơn nữa, từ khi cháu sinh ra và đến nay đều được chị K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nên việc thay đổi môi trường sống của cháu trong độ tuổi và thời điểm này là chưa phù hợp, dễ làm tổn thương đến tâm lý và sự phát triển bình thường của cháu. Đối với cháu A mặc dù mới 03 tuổi 20 ngày tuy nhiên do hoàn cảnh của chị K khó khăn không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc cả hai cháu, mặt khác cháu A đã ở ổn định với anh M từ khi còn nhỏ. Do đó, căn cứ vào điều luật đã viện dẫn và điều kiện sống thực tế của các cháu, cần giao cho chị K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V, giao cho anh M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Do chị K, anh M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị K, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Phan Thị Ngọc K đối với anh Nguyễn Văn M về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn M và chị Phan Thị Ngọc K.

2. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Ngọc Hải V, sinh ngày 02/12/2022 cho chị Phan Thị Ngọc K tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Giao cháu Nguyễn Văn Hải A, sinh ngày 12/6/2021 cho anh Nguyễn Văn M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị K, anh M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số **0001536** ngày 11/12/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà. Chị K đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thị xã Hương Trà;
- Chi cục Thi hành án thị xã Hương Trà;
- Các đương sự;
- UBND xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà.
- Lưu hồ sơ, lưu dân.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huệ